

**TÍNH ĐẾN THÀNH TỔ VĂN HÓA TRONG VIỆC BIÊN SOẠN
GIÁO TRÌNH THỰC HÀNH TIẾNG - DẠY KỸ NĂNG NÓI
GIAI ĐOẠN ĐẦU CHO SINH VIÊN TIẾNG NGA CHUYÊN NGỮ
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM ĐÀ NẴNG**

TS. TRẦN THỊ THU CÚC
Khoa Tiếng Nga - ĐHSP Đà Nẵng

1. Theo quan điểm của các nhà nghiên cứu văn hóa được quan niệm như “một tập hợp toàn bộ những tri thức, tín ngưỡng, nghệ thuật, đạo đức, pháp luật, phong tục và các thói quen của con người trong xã hội”. [8]

- “Văn hóa bao gồm văn học, nghệ thuật, triết học, phong tục, tôn giáo ...” [1]
- “Văn hóa là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội của con người ...” [5]
- “Văn hóa là một tổng thể những hệ thống ký hiệu chi phối cách ứng xử và sự giao tiếp trong một cộng đồng khiến cho cộng đồng ấy có đặc thù riêng. Văn hóa bao gồm cả hệ thống những giá trị để đánh giá một sự việc, một hiện tượng (đúng hay sai, đẹp hay xấu, đạo đức hay vô luân ...) theo cộng đồng ấy”. [2]

2. Từ các quan điểm trên, chúng ta thấy văn hóa là hiện tượng xã hội, chỉ có trong xã hội loài người. Văn hóa chi phối cách ứng xử, giao tiếp của cộng đồng xã hội. Điều đó chứng tỏ văn hóa và ngôn ngữ có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Ngôn ngữ là một bộ phận không thể thiếu được của văn hóa loài người. “Sự hình thành ngôn ngữ là tiền đề nhiều mặt của hình thành văn hóa, mặc dù theo cách sắp xếp hình thức thì ngôn ngữ nằm trong phạm trù văn hóa” [5]. Ngôn ngữ là tiền đề cho văn hóa phát triển và sự phát triển của văn hóa tạo tiền đề cho ngôn ngữ phát triển. Ngôn ngữ được coi là một phương tiện duy nhất có khả năng giải mã cho tất cả các loại hình nghệ thuật gắn với phạm trù văn hóa. Theo Các Mác thì “ngôn ngữ cũng cổ xưa như ý thức vậy, ngôn ngữ là ý thức thực tại thực tiễn” [6]. Rõ ràng ngôn ngữ ra đời cùng với tư duy và có mối liên hệ chặt chẽ với tư duy. Nhưng ngôn ngữ lại là công cụ của tư duy, trực tiếp tham gia vào quá trình tư duy. Tất cả những ý nghĩ, tư tưởng của con người được viết ra thành lời và được thể hiện bằng “lời nói bên trong”. Ngôn ngữ thực hiện chức năng xã hội quan trọng - chức năng giao tiếp. Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp cơ bản và quan trọng nhất của xã hội loài người. Ngôn ngữ là phương tiện, là cầu nối để mở rộng giao lưu, trao đổi, mở rộng tầm hiểu biết về văn hóa giữa các cộng đồng nói chung.

3. Ngôn ngữ và văn hóa có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Khi sinh viên học một thứ tiếng của một nước nào đó (ví dụ, tiếng Nga) có nghĩa là họ nghiên cứu thêm, hiểu biết thêm nền văn hóa (văn học, nghệ thuật, khoa học, tôn giáo, phong tục, tập quán ...) của đất nước đó - nước Nga được thể hiện thông qua ngôn ngữ - tiếng Nga. Vì vậy việc nghiên cứu nội dung thành tố văn hóa, những đặc trưng văn hóa dân tộc Nga và cách thể hiện nội dung đó trong giáo trình thực hành tiếng Nga (giáo trình dạy kỹ năng Nói) cho sinh viên tiếng Nga chuyên ngữ là bổ ích và cần thiết, nhằm giúp sinh viên không những hiểu biết văn hóa nước Nga mà còn tạo điều kiện để sinh viên hiểu được nền văn hóa chung của thời đại.

4. Chức năng của ngôn ngữ là giao tiếp. Tư tưởng giao tiếp được tiếp nhận từ lý thuyết hoạt động lời nói của tâm lý học hiện đại và từ thực tiễn của người học và người dạy tiếng ra đời đã tạo nên linh hồn của phương pháp mới về dạy học ngoại ngữ - phương pháp thực hành giao tiếp. Thực tế đó đòi hỏi giáo trình phải được biên soạn theo phương pháp thực hành giao tiếp. Trong vài thập niên cuối thế kỷ XX các sách giáo khoa, giáo trình dạy tiếng nước ngoài nói chung và tiếng Nga nói riêng được biên soạn theo phương hướng đó. Ngữ liệu từ vựng, ngữ pháp được tổ chức nhằm hình thành các kỹ năng, kỹ xảo nói, nghe, đọc, viết cho sinh viên. Nội dung giao

tiếp là những vấn đề thuộc các lĩnh vực sinh hoạt, học tập, chính trị, khoa học nghệ thuật, đất nước học ...

5. Giáo trình dạy kỹ năng nói cho sinh viên tiếng Nga chuyên ngữ ở giai đoạn đầu đều được biên soạn theo phương hướng thực hành giao tiếp. Nội dung giáo trình bao gồm những vấn đề đã nêu ở mục 4. Thành tố văn hóa được thể hiện xuyên suốt quá trình lựa chọn ngữ liệu: ngữ âm, ngữ liệu từ vựng, nghi thức lời nói (речево́й этикет), văn hóa giao tiếp ứng xử, các bài hội thoại (диалог), bài đọc (текст), các dạng bài tập giao tiếp, các chủ đề thảo luận (тема для бесед) ...

a/ **Từ vựng** : Khi lựa chọn từ vựng cho mỗi bài, mỗi chủ đề, các tác giả cần chú ý đến đặc trưng văn hóa nước Nga. Trong tiếng Nga có những nhóm từ vựng đặc thù do những đặc trưng tự nhiên và xã hội qui định. Ví dụ, nước Nga là nước có khí hậu mùa đông lạnh nên có những từ chỉ thời tiết như снег, мороз, лёд, метель, вьюга ...; chỉ những trò chơi mùa đông như кататься на лыжах; ходить на коньках; играть в хоккей ...; những danh từ chỉ đặc trưng trong ngày lễ năm mới : ёлка, Дед-Мороз, Снегурочка ... Khi biên soạn giáo trình cần chú ý chọn từ đặc thù, đặc trưng cho nền văn hóa Nga bởi vì theo A.L. Kroeber thì “nghĩa của từ ... vốn là những thứ cấu thành nền văn hóa và chính những thứ đó lại gắn với thiên nhiên”.

b/ **Nghi thức lời nói** (речево́й этикет). Văn hóa giao tiếp ứng xử là một phần không thể thiếu trong quá trình dạy nói ở giai đoạn đầu, bởi lĩnh vực giao tiếp ngôn ngữ luôn luôn là một lĩnh vực mang tính đặc thù rất cao của mọi nền văn hóa. Nghi thức lời nói Nga (nghi thức làm quen, chào hỏi, chúc mừng, cảm ơn, xin lỗi, khen chê, mời mọc, đồng ý, phản đối, yêu cầu, đề nghị ...) mang đầy đủ đặc trưng văn hóa dân tộc Nga: thẳng thắn, niềm nở, mến khách, tôn trọng người đối thoại ... Hệ thống nghi thức rõ ràng, chặt chẽ (chào buổi sáng, buổi chiều, buổi tối); xưng hô đơn giản (ты и вы), các phương thức biểu đạt phong phú, đa dạng ...

Tuy nhiên, cần chú ý đến đặc điểm phong cách (phong cách trung hoà, trang trọng ...), bình diện sử dụng. Khi đưa ngữ liệu nghi thức lời nói vào giáo trình cần phải có một hệ thống bài tập tình huống giao tiếp phong phú, phù hợp, tạo điều kiện cho sinh viên có nhiều cơ hội rèn luyện khả năng giao tiếp, sử dụng nghi thức lời nói đúng kiểu Nga. Có thể dẫn ra một vài mẫu lời nói trong nghi thức chào hỏi :

1. — Здравствуй(те) — lời chào đơn giản, ngắn gọn
— Доброе утро! Добрый день! Добрый вечер! — chú ý đến thời gian giao tiếp
2. — Привет! Здорово! - thân mật, gần gũi
3. — Приветствую вас! Разрешите вас приветствовать! - được sử dụng trong nghi lễ trang trọng.

Để rèn luyện khả năng sử dụng các mẫu nghi thức lời nói trong giao tiếp cho sinh viên cần có một số bài tập rèn luyện khả năng phản ứng nhanh, đúng.

Ví dụ:

- Здравствуй, Володя! Как я рад тебя видеть!
-
- Доброе утро, Коля! Ну как ты спал на новом месте?
-
- Оля, привет! Какая неожиданность!
-
- Рад вас приветствовать, товарищ Михайлов!
-

và các bài tập tình huống gắn với cuộc sống thực (đương nhiên là tình huống học tập) như :

- Приветствуйте - вашего друга, которого вы неожиданно встретили на улице.
- гостей, которых вы пригласили на день рождения
- девушку, которую вы пригласили в кино на вечерний сеанс.

c/ **Bài hội thoại** (Диалог) : Khi chọn bài hội thoại, ngoài tình huống giao tiếp, phương tiện ngôn ngữ để giao tiếp, cần chú ý đến nội dung văn hóa phù hợp với chủ đề đang nghiên cứu.

d/ **Bài đọc** (Текст) là phần quan trọng của một bài học (урок). Bài đọc là cơ sở, là căn cứ để sinh viên lấy ngữ liệu (nội dung tư tưởng và phương tiện ngôn ngữ) để thực hiện hoạt động giao tiếp, vì vậy cần phải lựa chọn bài đọc có nội dung súc tích, phản ánh được văn hóa chung thời đại, có những cái hay, cái mới, gây được hứng thú, kích thích tính tích cực của sinh viên, nuôi dưỡng động cơ học tập của sinh viên (nói đến gia đình là gắn với vấn đề xã hội, dân số, quyền trẻ em, ma túy, HIV ...)

Đây là một công việc cực kỳ khó khăn đối với những người biên soạn giáo trình trong điều kiện tài liệu, sách, báo, tạp chí thông tin khoa học, kinh tế, văn hóa xã hội bằng tiếng Nga rất khan hiếm tại các thư viện (trừ Российская Газета). Các phương tiện thông tin đại chúng ít truyền tải thông tin bằng tiếng Nga. Vì vậy, để có được những bài khóa mang nội dung thông tin văn hóa, đất nước học, khoa học kỹ thuật, kinh tế thị trường, những vấn đề cập nhật với sự phát triển của đất nước Nga ... đòi hỏi sự nỗ lực không phải chỉ ở những người biên soạn giáo trình, mà cả ở tập thể lãnh đạo nhà trường, tập thể đồng nghiệp và cả ở những người quan tâm đến sự nghiệp dạy và học tiếng Nga.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trường Chinh. *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam*. Hà Nội, 1949.
2. Nguyễn Lai. *Những vấn đề ngôn ngữ và văn hóa xã hội*. Hà Nội, Nxb Sự thật, 1962.
3. Bùi Đình Lũy. *Vai trò của văn hóa chung thời đại trong bài khóa ngoại ngữ*. Ngôn ngữ 1997, số 1.
4. Các Mác- Ăngghen- Lênin. *Bàn về ngôn ngữ*. Hà Nội, Nxb Sự thật, 1962
5. Trần Ngọc Thêm. *Ngôn ngữ và văn hóa*. TP HCM. 1986
6. Trần Ngọc Thêm. *Ngôn ngữ và văn hóa*. (Chương trình đào tạo cao học và tiến sĩ ĐHKHXH và NV., TP HCM.. 1997.
7. Trần Ngọc Thêm. *Ngữ dụng học và văn hóa - ngôn ngữ học*. Ngôn ngữ, 1999, số 4.
8. E.B. Tylor. *Văn hóa nguyên thủy*. 1871.
9. Верещагин Е. М. ; Костомаров В. Г. Язык и культура. Изд. "Русский язык", М., 1983.

THỬ XEM XÉT HỆ THỐNG ĐẠI TỬ NHÂN XUNG TRONG HAI NGÔN NGỮ NGÀ - VIỆT DƯỚI GÓC ĐỘ THÀNH TỐ VĂN HÓA TRONG GIẢNG DẠY NGOẠI NGỮ

TS. NGUYỄN TÙNG CƯƠNG

Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Nga

Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội

1. Đặt vấn đề

Vấn đề thành tố văn hóa và giảng dạy ngoại ngữ nói chung, cũng như dạy tiếng Nga nói riêng, đã có lịch sử lâu dài. Chúng ta thường dùng cụm từ (культурное чудовище) (cultural monster) khi nói về một người chỉ giỏi các quy tắc ngữ pháp, mà không biết lúc nào nên nói, khi nào phải im lặng, hoặc (культурный шок) (culture shock) chỉ việc người nước ngoài lần đầu tiên gặp một hiện tượng văn hóa khác với thói quen nên bị choáng, lúng túng trong ứng xử, sẽ coi người bản ngữ là kỳ quái, thậm chí là kém giáo dục [16, 261] (thí dụ: sinh viên Việt nam mới sang Nga, khi gặp thầy, cô Nga thường không thể quen ngay với cách gọi thầy, cô chỉ dùng tên và tên chỉ sở thuộc người cha : Иван Иванович, họ rất muốn dùng thêm từ Профессор, Преподаватель (Thầy, Cô) đi kèm với tên thầy, cô mỗi khi có việc cần phải nói). Khi tìm